

PHÁP LỆNH

CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI SỐ 39/2001/PL-UBTVQH10
NGÀY 16 THÁNG 11 NĂM 2001 VỀ QUẢNG CÁO

Để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về quảng cáo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, của tổ chức, cá nhân trong hoạt động quảng cáo, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 8 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2001;

Pháp lệnh này quy định về quảng cáo.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng và nội dung áp dụng

1. Pháp lệnh này quy định về hoạt động quảng cáo; quy định, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động quảng cáo.

2. Pháp lệnh này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động quảng cáo trên lãnh thổ Việt Nam. Trong trường hợp có quy định khác thì áp dụng theo quy định khác.

Điều 2. Quy định quảng cáo của tổ chức, cá nhân

Tổ chức, cá nhân có quyền trực tiếp quảng cáo về hoạt động kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ của mình hoặc thuê tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quảng cáo thực hiện quảng cáo cho mình.

Điều 3. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động quảng cáo

1. Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người quảng cáo, người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người phát hành quảng cáo và người tiêu dùng.

2. Nhà nước tạo điều kiện người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người phát hành quảng cáo phát triển và đa dạng các loại hình quảng cáo, nâng cao chất lượng quảng cáo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

3. Nhà nước khuyến khích người Việt Nam, nhà nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác, đầu tư phát triển dịch vụ quảng cáo Việt Nam.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

1. *Quảng cáo* là giải pháp nhằm thu hút sự chú ý của người tiêu dùng về hoạt động kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ, bao gồm dịch vụ có mục đích sinh lợi và dịch vụ không có mục đích sinh lợi.

Dịch vụ có mục đích sinh lợi là dịch vụ nhằm tạo ra lợi nhuận cho tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ.

Dịch vụ không có mục đích sinh lợi là dịch vụ không nhằm tạo ra lợi nhuận cho tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ.

2. *Người quảng cáo* là tổ chức, cá nhân có nhu cầu quảng cáo về hoạt động kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ của mình.

3. *Sản phẩm quảng cáo* là sản phẩm thể hiện nội dung quảng cáo, hình thức quảng cáo.

4. *Người phát hành quảng cáo* là tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm quảng cáo nhằm thu hút sự chú ý của người tiêu dùng, bao gồm các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, tổ chức quản lý thông tin máy tính, người tổ chức chương trình văn hoá, thể thao, hội chợ, triển lãm và tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện quảng cáo khác.

5. *Xúc tiến quảng cáo* là hoạt động tìm kiếm, thúc đẩy các hình thức tiếp thị quảng cáo và cung ứng các dịch vụ quảng cáo.

6. *Người kinh doanh dịch vụ quảng cáo* là tổ chức, cá nhân thực hiện mua, bán, cung cấp các công đoạn của quá trình hoạt động quảng cáo nhằm mục đích sinh lợi.

Điều 5. Những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quảng cáo

Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Quảng cáo làm tổn hại lợi ích của gia đình, xã hội, quốc gia, quốc phòng, an ninh và an toàn xã hội;

2. Quảng cáo trái với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam;

3. Sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca hoặc giải thưởng Quốc ca, hình ảnh lãnh tụ, hình ảnh người tiêu biểu Việt Nam, hình ảnh biểu tượng giao thông quảng cáo;

4. Quảng cáo gian dối;

5. Quảng cáo làm ảnh hưởng xấu đến môi trường, cảnh quan, môi trường và trật tự an toàn giao thông;

6. Lợi dụng quảng cáo xúc phạm danh dự, uy tín hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

7. Quảng cáo sản phẩm, hàng hoá chưa được phép lưu thông, dịch vụ chưa được phép thực hiện tại thị trường quảng cáo;

8. Quảng cáo hàng hoá, dịch vụ mà pháp luật cấm kinh doanh hoặc cấm quảng cáo.

CHƯƠNG II HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO

Điều 6. Nội dung quảng cáo

1. Nội dung quảng cáo bao gồm thông tin quảng cáo về hoạt động kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ.

2. Thông tin quảng cáo về hoạt động kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ phải rõ ràng, chính xác, trung thực, minh bạch, không gây hiểu lầm cho người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng.

Điều 7. Hình thức quảng cáo

1. Hình thức quảng cáo là sự hiển thị sản phẩm quảng cáo bằng lời nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng, hình ảnh, hành động, âm thanh và các hình thức khác.

2. Hình thức quảng cáo phải rõ ràng, dễ hiểu, có tính thẩm mỹ.

3. Hình thức quảng cáo phải có dấu hiệu phân biệt những thông tin quảng cáo với những thông tin không phải là quảng cáo không gây nhầm lẫn cho người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng.

Điều 8. Tiếng nói, chữ viết trong quảng cáo

1. Tiếng nói, chữ viết dùng trong quảng cáo là tiếng Việt, trừ những trường hợp sau:

a) Tiếng Anh có quy chuẩn hoá, thuật ngữ chuyên ngành không thay thế bằng tiếng Việt;

b) Quảng cáo thông qua sách, báo, ấn phẩm có phép xuất bản bằng tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài; chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài.

2. Trong trường hợp sử dụng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài trên cùng một sản phẩm quảng cáo thì tiếng Việt trước, tiếp theo tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài và khác tiếng dân tộc thiểu số, khác tiếng nước ngoài không cần ghi chú tiếng Việt.

Điều 9. Phương tiện quảng cáo

Phương tiện quảng cáo bao gồm:

1. Báo chí gồm báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử;
2. Mạng thông tin máy tính;
3. Xuất bản phẩm gồm phim, ảnh, băng hình, đĩa hình, băng âm thanh, đĩa âm thanh;
4. Chương trình hoạt động văn hoá, thể thao;

5. Hình chiếu, tri n lãm;
6. Bảng, biển, pa-nô, bảng-rôn, màn hình t n i công c ng;
7. V t phát quang, v t th trên không, d i n c ;
8. Ph ng ti n giao thông, v t th di ng khác;
9. Hàng hoá;
10. Các ph ng ti n qu ng cáo khác theo quy nh c a pháp lu t.

Điều 10. Quy ng cáo trên báo chí

1. Báo in c qu ng cáo không quá 10% di n tích, tr báo chuyên qu ng cáo; m i t qu ng cáo cho m t s n ph m qu ng cáo không quá 5 ngày i v i báo hàng ngày ho c 5 s liên t c i v i báo phát hành theo nh k ; các t qu ng cáo cách nhau ít nh t 5 ngày i v i báo hàng ngày ho c ít nh t 4 s liên t c i v i báo phát hành theo nh k ; không qu ng cáo ho t ng kinh doanh, hàng hoá, d ch v trên trang m t, bìa m t.

2. Báo nói c qu ng cáo không quá 5% th i l ng c a ch ng trình, tr kênh chuyên qu ng cáo; m i t phát sóng i v i m t s n ph m qu ng cáo không quá 8 ngày, tr tr ng h p c bi t do Chính ph quy nh; m i ngày không quá 10 l n; các t qu ng cáo cách nhau ít nh t 5 ngày; không qu ng cáo ngay sau nh c hi u, trong ch ng trình th i s .

3. Báo hình c qu ng cáo không quá 5% th i l ng c a ch ng trình, tr kênh chuyên qu ng cáo; m i t phát sóng i v i m t s n ph m qu ng cáo không quá 8 ngày, tr tr ng h p c bi t do Chính ph quy nh; m i ngày không quá 10 l n; các t qu ng cáo cách nhau ít nh t 5 ngày; không qu ng cáo ngay sau hình hi u, trong ch ng trình th i s .

4. Báo i n t c qu ng cáo nh i v i báo in quy nh t i kho n l i u này.

Điều 11. Quy ng cáo trên m ng thông tin máy tính

Vi c qu ng cáo trên m ng thông tin máy tính ph i c th c hi n theo úng các quy nh c a pháp lu t v qu ng cáo, d ch v truy nh p, d ch v k t n i và vi c cung c p các lo i hình d ch v qu ng cáo trên m ng thông tin máy tính; th c hi n các quy nh v k thu t, nghi p v nh m b o m bí m t nhà n c.

Điều 12. Quy ng cáo trên xu t b n ph m

Vi c qu ng cáo trên xu t b n ph m c th c hi n theo các quy nh sau ây:

1. Ch c qu ng cáo trên bìa v h c sinh nh ng s n ph m qu ng cáo có n i dung ph c v cho vi c h c t p;

2. Phim, b ng hình, a hình, b ng âm thanh, a âm thanh và các ph ng ti n ghi tin khác c qu ng cáo không quá 5% th i l ng ch ng trình;

3. Không c qu ng cáo ho t ng kinh doanh, hàng hoá, d ch v trên bìam t c a các lo i sách; không c qu ng cáo trong sách giáo khoa, giáo trình, các tác ph m chính tr ;

4. Các quy nh khác c a pháp lu t v xu t b n và các quy nh c a Pháp l nh này.

Điều 13. Qu ng cáo trong ch ng trình ho t ng v n hoá, th thao, h i ch , tri n lãm

Vi c qu ng cáo thông qua ch ng trình ho t ng v n hoá, th thao, h i ch , tri n lãm ph i c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t v ngh thu t bi u di n, th thao, h i ch , tri n lãm và các quy nh c a Pháp l nh này.

Điều 14. Qu ng cáo trên các ph ng ti n khác

Vi c qu ng cáo trên các ph ng ti n quy nh t i các i m 6, 7, 8 và 10 i u 9 c a Pháp l nh này ph i tuân th các quy nh c a pháp lu t v qu ng cáo, v quy ho ch ô th và nông thôn, b o m m quan ô th, c nh quan, môi tr ng, tr t t an toàn giao thông, an toàn xã h i.

Điều 15. i u ki n i v i qu ng cáo ho t ng kinh doanh, hàng hoá, d ch v

1. i u ki n qu ng cáo i v i ho t ng kinh doanh, hàng hoá, d ch v c quy nh nh sau:

a) Qu ng cáo hàng hoá thu c danh m c ph i ki m tra v ch t l ng ho c thu c danh m c ph i có ch ng nh n ch t l ng ph i có gi y ch ng nh n c a c quan qu n lý nhà n c v ch t l ng hàng hoá; tr ng h p t công b tiêu chu n ch t l ng hàng hoá thì ph i có v n b n t công b ; tr ng h p hàng hoá là i t ng s h u trí tu thì ph i có gi y ch ng nh n quy n s h u trí tu ;

b) Qu ng cáo tài s n mà pháp lu t quy nh tài s n ó ph i ng ký quy n s h u thì ph i có gi y ch ng nh n quy n s h u tài s n;

c) Qu ng cáo v ho t ng kinh doanh, hàng hoá, d ch v ph i có gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh;

d) Vi c qu ng cáo trên m ng thông tin máy tính; trên b ng, bi n, pa-nô, b ng-rôn, màn hình t n i công c ng, v t phát quang, v t th trên không, d i n c, ph ng ti n giao thông, v t th di ng khác ph i có gi y phép th c hi n qu ng cáo do c quan qu n lý nhà n c có th m quy n v V n hoá - Thông tin c p.

2. Ng i qu ng cáo ph i xu t trình các v n b n quy nh t i kho n 1 i u này cho ng i kinh doanh d ch v qu ng cáo ho c ng i phát hành qu ng cáo; ng i kinh doanh d ch v qu ng cáo ph i xu t trình các v n b n quy nh t i kho n 1 i u này cho ng i phát hành qu ng cáo.

Điều 16. Thông tin và thủ tục cấp giấy phép thể hiện quảng cáo

1. B V n hoá - Thông tin cấp giấy phép thể hiện quảng cáo trên mạng thông tin máy tính, kênh, chương trình phát thanh, kênh, chương trình truyền hình chuyên quảng cáo và tivi ph trang, ph b n chuyên quảng cáo.

2. S V n hoá - Thông tin cấp giấy phép thể hiện quảng cáo trên bảng, biển, pa-nô, bảng-rôn, màn hình t n i công c ng, v t phát quang, v t th trên không, d i n c, ph ng t n giao thông, v t th di ng khác.

3. B V n hoá - Thông tin quy nh c th th t c c p gi y phép th c hi n qu ng cáo.

Điều 17. Hợp đồng dịch vụ quảng cáo

Vic thuê dịch vụ quảng cáo phải xác lập bằng hợp đồng. Hợp đồng dịch vụ quảng cáo phải lập thành văn bản có nội dung sau đây:

1. Tên, địa chỉ các bên ký kết hợp đồng;
2. Hình thức, nội dung, phương tiện, số lượng quảng cáo;
3. Thời gian, địa điểm, phạm vi quảng cáo;
4. Phí dịch vụ, các chi phí khác có liên quan và phương thức thanh toán;
5. Quy định, nghĩa vụ của các bên;
6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;
7. Các nội dung khác do các bên tho thu n.

CHƯƠNG III

HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Điều 18. Quảng cáo của tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam được trực tiếp quảng cáo và hoạt động kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ của mình hoặc thuê người kinh doanh dịch vụ quảng cáo Việt Nam, người phát hành quảng cáo Việt Nam thể hiện quảng cáo cho mình.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài không hoạt động tại Việt Nam mua quảng cáo tại Việt Nam và hoạt động kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ của mình phải thuê người kinh doanh dịch vụ quảng cáo Việt Nam, người phát hành quảng cáo Việt Nam thể hiện quảng cáo cho mình.

Điều 19. Văn phòng đại diện quảng cáo

Văn phòng đại diện của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam chỉ có hoạt động sau khi có giấy phép mở văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chỉ thể hiện vì mục đích tiếp xúc tiếp xúc quảng cáo, không được trực tiếp kinh doanh dịch vụ quảng cáo.

Điều 20. Chi nhánh qu ng cáo

T ch c, cá nhân kinh doanh d ch v qu ng cáo n c ngoài c t chi nhánh t i Vi t Nam th c hi n kinh doanh d ch v qu ng cáo.

Chính ph quy nh c th vi c thành l p và ho t ng c a chi nhánh qu ng cáo n c ngoài t i Vi t Nam.

Điều 21. H p tác, u t trong ho t ng qu ng cáo

T ch c, cá nhân Vi t Nam kinh doanh d ch v qu ng cáo c h p tác, u t trong ho t ng qu ng cáo v i t ch c, cá nhân n c ngoài theo quy nh c a pháp lu t.

Điều 22. Qu ng cáo n c ngoài

T ch c, cá nhân Vi t Nam c qu ng cáo v ho t ng kinh doanh, hàng hoá, d ch v c a mình n c ngoài theo quy nh c a pháp lu t.

CHƯƠNG IV
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO

Điều 23. Quy n và ngh a v c a ng i qu ng cáo

1. Ng i qu ng cáo có các quy n sau ây:

- a) Qu ng cáo v ho t ng kinh doanh, hàng hoá, d ch v c a mình;
- b) L a ch n ng i kinh doanh d ch v qu ng cáo, ng i phát hành qu ng cáo, ph ng ti n và hình th c qu ng cáo;
- c) ng ký b o h quy n s h u trí tu i v i s n ph m qu ng cáo c a mình;
- d) Các quy n khác theo quy nh c a pháp lu t.

2. Ng i qu ng cáo có các ngh a v sau ây:

- a) Qu ng cáo phù h p v i n i dung c a gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh;
- b) m b o n i dung qu ng cáo ph i trung th c, chính xác;
- c) Th c hi n các ngh a v ã ký k t trong h p ng;
- d) Th c hi n các ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t.

Điều 24. Quy n và ngh a v c a ng i kinh doanh d ch v qu ng cáo

1. Ng i kinh doanh d ch v qu ng cáo có các quy n sau ây:

- a) L a ch n hình th c, l nh v c kinh doanh d ch v qu ng cáo;

b) Yêu cầu người quảng cáo cung cấp thông tin trung thực, chính xác và nội dung quảng cáo;

c) Người ký báo cáo quy định trách nhiệm và vị trí nhân phẩm quảng cáo của mình;

d) Hợp tác với chính quyền, cá nhân trong hoạt động quảng cáo;

đ) Tham gia Hiệp hội quảng cáo trong nước và nước ngoài;

e) Các quy định khác theo quy định của pháp luật.

2. Người kinh doanh dịch vụ quảng cáo có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện đúng các quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quảng cáo;

c) Thực hiện các nghĩa vụ đã ký kết trong hợp đồng dịch vụ quảng cáo;

d) Bị thiệt hại do mình gây ra;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Quy định và nghĩa vụ của người phát hành quảng cáo

1. Người phát hành quảng cáo có quy định trên phương tiện của mình và thu phí dịch vụ phát hành quảng cáo theo quy định của pháp luật.

2. Người phát hành quảng cáo có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về báo chí, xuất bản, quản lý mạng thông tin máy tính, chương trình hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí, truyền thông và Pháp luật này trong việc sử dụng báo chí, xuất bản phẩm, mạng thông tin máy tính, chương trình hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí, truyền thông và phương tiện quảng cáo khác quảng cáo;

b) Thực hiện hợp đồng phát hành quảng cáo đã ký kết với người quảng cáo hoặc người kinh doanh dịch vụ quảng cáo;

c) Bị thiệt hại do mình gây ra;

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Quy định và nghĩa vụ của người cho thuê phương tiện quảng cáo

1. Người cho thuê phương tiện quảng cáo có các quy định sau đây:

a) Là chủ sở hữu người quảng cáo, người kinh doanh dịch vụ quảng cáo;

b) Thu phí sử dụng cho thuê phương tiện quảng cáo theo thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Các quy định khác trong việc cho thuê phương tiện quảng cáo theo quy định của pháp luật.

2. Người cho thuê phương tiện quảng cáo có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện đúng các nghĩa vụ trong hợp đồng cho thuê phương tiện quảng cáo đã ký kết;

- b) Bị thiệt hại do mình gây ra;
- c) Thiệt hại các ngành khác trong việc cho thuê phương tiện quảng cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Thuế, phí, lệ phí quảng cáo

Người quảng cáo, người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người phát hành quảng cáo, người cho thuê phương tiện quảng cáo có ngành nghề nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUẢNG CÁO

Điều 28. Nội dung quản lý nhà nước về quảng cáo

Nội dung quản lý nhà nước về quảng cáo bao gồm:

1. Xây dựng, chỉnh đốn thể chế kinh tế thị trường, kế hoạch, chính sách phát triển quảng cáo;
2. Ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quảng cáo;
3. Cấp, thu hồi giấy phép thể hiện quảng cáo; giấy phép tổ chức phòng đi diễn quảng cáo, chi nhánh quảng cáo tại nước ngoài, cá nhân kinh doanh dịch vụ quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam;
4. Tổ chức, quản lý công tác đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực quảng cáo;
5. Thể hiện hợp tác quốc tế về quảng cáo;
6. Kiểm tra, thanh tra, giám sát quyền lợi, trách nhiệm và xử lý vi phạm pháp luật về quảng cáo.

Điều 29. Cơ quan quản lý nhà nước về quảng cáo

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quảng cáo.
2. Bộ Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm trực tiếp Chính phủ thể hiện quản lý nhà nước về quảng cáo.
3. Bộ Trưởng, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin thể hiện quản lý nhà nước về quảng cáo.
4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thể hiện quản lý nhà nước về quảng cáo tại địa phương theo phân cấp của Chính phủ.

Điều 30. Thanh tra qu ng cáo

Thanh tra nhà n c v V n hoá - Thông tin th c hi n ch c n ng thanh tra chuyên ngành v qu ng cáo.

Nhi m v c th c a Thanh tra nhà n c v V n hoá - Thông tin chuyên ngành qu ng cáo do Chính ph quy nh.

Điều 31. Khi u n i, t cáo và gi i quy t khi u n i, t cáo

1. T ch c, cá nhân có quy n khi u n i; cá nhân có quy n t cáo hành vi vi ph m pháp lu t v qu ng cáo.

2. T ch c, cá nhân có th m quy n nh n c khi u n i, t cáo có trách nhi m gi i quy t khi u n i, t cáo theo quy nh c a pháp lu t v khi u n i, t cáo.

CHƯƠNG VI KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 32. Khen th ng

T ch c, cá nhân có thành tích trong ho t ng qu ng cáo thì c khen th ng theo quy nh c a pháp lu t.

Điều 33. X lý vi ph m

1. Ng i nào có hành vi vi ph m pháp lu t v qu ng cáo thì tùy theo tính ch t, m c vi ph m mà b x ph t hành chính ho c b truy c u trách nhi m hình s ; n u gây thi t h i thì ph i b i th ng theo quy nh c a pháp lu t.

2. Ng i nào l i d ng ch c v , quy n h n vi ph m các quy nh v vi c c p, thu h i gi y phép th c hi n qu ng cáo, c n tr ho t ng qu ng cáo úng pháp lu t c a t ch c, cá nhân; sách nhi u ho c có hành vi khác vi ph m các quy nh c a Pháp l nh này và các quy nh khác c a pháp lu t có liên quan thì tùy theo tính ch t, m c vi ph m mà b x lý k lu t ho c b truy c u trách nhi m hình s ; n u gây thi t h i thì ph i b i th ng theo quy nh c a pháp lu t.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hi u l c thi hành

1. Pháp l nh này có hi u l c t ngày 1 tháng 5 n m 2002.

2. Các quy nh tr c ây trái v i Pháp l nh này u bãi b .

Điều 35. Hạng d n thi hành

Chính ph quy nh chi ti t và h n g d n thi hành Pháp l nh này.